TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày: 17/6/2022
"V/*v:Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:** Ông **Nguyễn Xuân Phương.**
Hội thẩm nhân dân: - Bà **Lương Mai Ngân**.
- Bà **Tạ Thị Thà.**
Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Duy Trung** – Thư ký Tòa án.
Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 114/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/QĐXX ngày 10 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 52 ngày 31/5/2022; về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S).**

Địa chỉ: L, phường 8, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đ– Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Nguyễn Thu H– Giám đốc chi nhánh Đống Đa.
Người được ủy quyền lại: Bà Vũ Thị Thanh H– Phó phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh Đống Đa. Có mặt.

* Bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1973. Vắng mặt.
Trú tại: P508 - A3, tập thể T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S) trình bày:

Ngày 03/06/2015, bà Trần Thị H đã ký với Ngân hàng TMCP S "Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng": Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng TMCP S đã đồng ý cấp 01 Thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold 472075-4290 với hạn mức sử dụng là 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng), với mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân.

Lãi suất thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold 472075 - 4290 là: Lãi suất trong hạn 2,6 %/ tháng, lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng trên, bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 2.629.444.683 đồng, và đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền là: 2.514.509.006 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau.

Bà H sử dụng Thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold 472075 - 4290 từ tháng 06/2015 và có thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. Tuy nhiên, bắt đầu từ tháng 10/2020, bà H ngưng thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền theo quy định cho Ngân hàng mà không rõ lý do. Ngân hàng nhiều lần liên lạc trực tiếp với bà H (nhắn tin, gọi điện, đến nhà) và đề nghị bà H thanh toán nhưng bà H chỉ hứa mà không thực hiện. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà H vào ngày 01/3/2021 và căn cứ vào Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn vào ngày 01/3/2021.

Sau khi thực hiện nhiều biện pháp đôn đốc, động viên trả nợ để thu hồi nợ bà Trần Thị H mà không có kết quả, Ngân hàng đã quyết định khởi kiện bà Trần Thị H ra Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội về việc bà Trần Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tổng số nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính từ ngày 01/3/2021 đến ngày 17/6/2022 của bà H là: 230.310.298đ *(Hai trăm ba mươi triệu, ba trăm mười nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng)*. Trong đó:

+ Nợ gốc: 142.500.238 đồng (Căn cứ Khoản 1.9 Điều 1 tại Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì dư nợ thẻ là tổng số nợ của tài

khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ.

+ Lãi quá hạn: 87.810.060 đồng. Cụ thể: (Áp dụng mức lãi suất: 3.9%/ tháng tính từ ngày 01/3/2021 đến ngày 17/6/2022 với số tiền là: (142.550.238 đồng x (3.9%/ tháng: 30 ngày) x 24 ngày) + (142.500.238 đồng x (3.9%/tháng: 30 ngày) x 450 ngày) = 87.810.060 đồng);

Nay, Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà H, yêu cầu bà H phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 17/6/2022 là: 230.310.298đ *(Hai trăm ba mươi triệu, ba trăm mười nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng)*. Trong đó, nợ gốc là: 142.500.238 đồng; Lãi quá hạn: 87.810.060 đồng); Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/6/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định theo "Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng" đã ký giữa Ngân hàng TMCP S và bà Trần Thị H.

Buộc bà Trần Thị H phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

- *Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa*, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành các thông báo của Tòa án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành và đều vắng mặt.

+ Toà án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015. Tuy nhiên vì lý do khách quan nên chỉ rút kinh nghiệm tại phiên tòa, không kiến nghị nội dung này.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ trình bày của các đương sự, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xác định hợp đồng tín dụng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 11/10/2016 và các văn bản tín dụng kèm theo, các giấy nhận nợ và hợp đồng bảo lãnh đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật do vậy có hiệu lực thi hành với các bên.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ gốc, tiền lãi. Tổng số nợ gốc và nợ lãi phát sinh tính từ ngày 01/3/2021 đến ngày 17/6/2022 của bà H là: 230.310.298đ *(Hai trăm ba mươi triệu, ba trăm mười nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng).*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Ngân hàng TMCP S (S) khởi kiện bà Trần Thị H theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đã được ký ngày 03/06/2015; bà Trần Thị H có địa chỉ cư trú tại: P508 - A3 tập thể T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết Toà án nhân dân quận H đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Trần Thị H, tuy nhiên bà Trần Thị H không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S) và các buổi làm việc bà Trần Thị H đều vắng mặt không có lý do, nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

{2}. Về nội dung vụ án:

{2.1}. Về hình thức của hợp đồng: Căn cứ lời trình bày của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng TMCP S (S) và bà Trần Thị H có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Ngân hàng đã cấp cho bà H 01 Thẻ tín dụng VS payWave Cre Gold 472075-4290 với hạn mức sử dụng là 124.000.000đ (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bốn triệu đồng chẵn), với mục đích sử dụng tiêu dùng cá nhân.: Được xác định theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 03/06/2015 đính

kèm Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S được phát hành và quản lý bởi Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 21/9/2015, tóm tắt sao kê, Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng mà Nguyên đơn cung cấp, lời trình bày của nguyên đơn có cơ sở để xác định bị đơn đã được nguyên đơn đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa pay WaveCre Gold 472075-4290. Hai bên thỏa thuận về lãi suất, phí, phương thức thanh toán theo những điều khoản quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 03/06/2015 có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

{2.2} Quá trình thực hiện Hợp đồng: Bà Trần Thị H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 2.629.444.683 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền là: 2.514.509.006 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.514.509.006 đồng và ngưng không thanh toán cho Ngân hàng nữa là vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với S kể từ ngày 01/3/2021. Do đó, S đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 280; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi xem xét bảng tính lãi xuất do Ngân hàng cung cấp tính đến ngày 17/6/2022, Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị H thanh toán số tiền như sau: 230.310.298đ *(Hai trăm ba mươi triệu, ba trăm mười nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng).* Trong đó, nợ gốc là: 142.500.238 đồng; Lãi quá hạn: 87.810.060 đồng); Hội đồng xét xử thấy theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng của các bên và căn cứ tính lãi của S là đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S) đối với số tiền 230.310.298đ *(Hai trăm ba mươi triệu, ba trăm mười nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng).* Trong đó, nợ gốc là: 142.500.238 đồng; Lãi quá hạn: 87.810.060 đồng); của bà Trần Thị H theo hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm ngày 03/6/2015 và các văn bản tín dụng kèm theo đã ký kết giữa hai bên là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm, bà Trần Thị H phải chịu lãi suất của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín

dụng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay.

{2.3} Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại tiết b điểm 1.3 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 230.310.298đ x 5% = 11.515.514 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP S 4.300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049765 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ điểm b khoản 1.3 Mục II, Phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S).

Buộc bà Trần Thị H phải trả Ngân hàng TMCP S (S) khoản tiền tính đến ngày 17/6/2022 là: 230.310.298đ *(Hai trăm ba mươi triệu, ba trăm mười nghìn, hai trăm chín mươi tám đồng).* Trong đó, nợ gốc là: 142.500.238 đồng; Lãi quá hạn: 87.810.060 đồng);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.515.514đ (Mười một triệu, năm trăm mười lăm nghìn, năm trăm mười bốn đồng)

Trả lại Ngân hàng TMCP S (S) 4.300.000đ (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049760 ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

Ngân hàng TMCP S (S) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương